

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN N
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 26/6/2018

V/v: Ly hôn, nuôi con sau ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - NINH BÌNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Tạ Khắc Nghĩa.

- Ông Nguyễn Văn Phiếu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 26/6/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 31/2018/TLST-HNGĐ ngày 01/3/2018 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2018/QĐST ngày 05/6/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh N, sinh năm 1981; Nơi ĐKKHKT: phố Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình; Chỗ ở hiện nay: phố T, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Lê Thành Đ, sinh năm 1976; Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: phố Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

(Chị N có mặt; anh Đ vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/02/2018 và quá trình cung cấp chứng cứ, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh N trình bày:

* Về quan hệ hôn nhân: Ngày 28/02/2005 chị đăng ký kết hôn với anh Lê Thành Đ tại Ủy ban nhân dân xã Đ trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sinh sống tại đội S, xã Đ, huyện N nay là phố Đ, thị trấn N. Từ khi kết hôn cuộc sống vợ chồng chị hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn tới vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Nguyên nhân chính dẫn tới

mâu thuẫn vợ chồng chị là do năm 2007 chị N phát hiện anh Đ nghiện ma túy. Chị N đã nhiều lần khuyên nhủ, động viên anh Đ từ bỏ ma túy để tu chí làm ăn nhưng anh Đ không thay đổi mà còn sử dụng ma túy công khai trong nhà nhiều lần. Các con chị nhìn thấy anh Đ sử dụng ma túy các cháu rất buồn. Do bức tức về việc không khuyên nhủ được anh Đ nên chị N đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phố T, thị trấn N, huyện N sinh sống. Lần gần đây nhất là tháng 5/2017, sau khi chị phát hiện anh Đ còn sử dụng cả ma túy đá. Từ đó vợ chồng chị sống ly thân không ai quan tâm tới ai nữa. Nay chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Thành Đ.

* Về con chung: Chị N xác định chị và anh Lê Thành Đ có 02 con chung là Lê Nguyễn Thảo L và cháu Lê Nguyễn Huyền L đều sinh ngày 15/7/2005. Hiện hai cháu đều đang ở với chị. Nếu ly hôn chị có nguyện vọng được tiếp tục nuôi hai cháu Thảo L và Huyền L cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con.

* Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Lê Thành Đ: Mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án về việc chị Nguyễn Thị Thanh N xin ly hôn với anh, nhưng anh Đ vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N có quan điểm:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

**** Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử:***

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: do bị đơn có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phố Đ, thị trấn N, huyện N, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện N thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các điều 28, 35 và 39 Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Việc thụ lý vụ án đúng quy định của pháp luật.

Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và xác định tư cách tố tụng trong vụ án đầy đủ, chính xác.

Về thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 203 BLTTDS, Quyết định đưa vụ án ra xét xử đảm bảo về hình thức, nội dung.

Thời hạn gửi hồ sơ, văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát đảm bảo quy định của pháp luật, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Việc giao nộp tài liệu chứng cứ: thực hiện đúng các quy định tại Điều 96 BLTTDS, các tài liệu là bản sao đều có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền.

** Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa:*

Phiên tòa hôm nay diễn ra theo thời gian với thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đúng như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS.

Bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Về đường lối giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 5, 147, 227, 228, 234, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Thành Đ.

Về con chung: Giao các cháu Lê Nguyễn Thảo L và cháu Lê Nguyễn Huyền L đều sinh ngày 15/7/2005 cho chị Nguyễn Thị Thanh N tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: chị N phải nộp toàn bộ án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xét thấy:

[1]. Về tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo xác định của Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện N thì thời điểm chị Nguyễn Thị Thanh N xin ly hôn với anh Lê Thành Đ, anh Đ vẫn sinh sống tại phố Đ, thị trấn N, huyện N. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2018 của bố đẻ anh Đ là ông Lê Văn T, ông T cũng xác định hiện anh Đ sinh sống cùng vợ chồng ông. Nên Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án là phù hợp với quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về sự vắng mặt của anh Lê Thành Đ: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh Đ theo quy tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân huyện Nn ông T đã nhận và thông báo cho anh Đ. Do vậy, việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Đ của Tòa án nhân dân huyện N là hợp lệ. Tại phiên tòa anh Đ vắng mặt Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[2]. Về nội dung khởi kiện: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đương sự cung cấp và Tòa thu thập được, thấy rằng:

- Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Thành Đ là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chị N, anh Đ sinh sống tại đội S, xã Đ, huyện N nay là phố Đ, thị trấn N, huyện N. Quá trình chung sống vợ chồng chị N, anh Đ hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng thường xuyên đánh xảy ra cãi vã. Nguyên nhân là do năm 2007 chị N phát hiện anh Đ nghiện ma túy, chị N đã nhiều lần khuyên nhủ anh Đ từ bỏ ma túy, tu chí làm ăn nhưng anh Đ vẫn không thay đổi mà còn sử dụng ma túy công khai trong nhà nhiều lần. Các con chị nhìn thấy anh Đ sử dụng ma túy các cháu rất buồn. Bản thân chị N đã nhiều lần bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở phố T, thị trấn N, huyện N sinh sống. Lần gần đây nhất là tháng 5/2017 sau khi chị N phát hiện anh Đ sử dụng ma túy đá. Kể từ đó vợ chồng chị N, anh Đ chính thức sống ly thân không ai quan tâm đến ai nữa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh Đ đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Thành Đ có 02 con chung là các cháu Lê Nguyễn Thảo L và cháu Lê Nguyễn Huyền L đều sinh ngày 15/7/2005. Hiện hai cháu đều đang ở với chị N. Xét hai cháu Thảo L, Huyền L là con gái và lại là chị em sinh đôi, đang tuổi mới lớn rất cần có mẹ ở bên chăm sóc, dạy bảo. Cả hai cháu đều có nguyện vọng được ở với mẹ. Bản

thân chị N có nghề nghiệp, thu nhập ổn định trong khi anh Đ lại không có nghề nghiệp. Do vậy, để đảm bảo lợi ích mọi mặt của cháu nên giao cháu cháu Lê Nguyễn Thảo L và cháu Lê Nguyễn Huyền L cho chị Nguyễn Thị Thanh N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc là có căn cứ theo khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chị N không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét đây là sự tự nguyện, không trái pháp luật, trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, HĐXX không xem xét là phù hợp.

[3]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N phải nộp theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh N và anh Lê Thành Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Thảo L và cháu Lê Nguyễn Huyền L đều sinh ngày 15/7/2005, hiện hai cháu đang ở với chị N cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Khi cần các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về tài sản chung, công nợ chung, quyền sử dụng đất canh tác chung: Chị Nguyễn Thị Thanh N xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí ly hôn sơ thẩm: chị Nguyễn Thị Thanh N phải nộp là 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp 300.000^d theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2013/0000709 ngày 01/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N.

Chị N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án;
Anh Đ được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được
bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

ĐÀO THỊ HUỆ